

BẢNG ĐIỂM KỲ THI  
CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

Ngày Thi: 27/04/2025

| STT | SBD      | Họ và Tên         |       | Ngày Sinh  | Nơi Sinh              | Điểm lý thuyết | Điểm Thực hành | Kết quả   | Ghi chú |
|-----|----------|-------------------|-------|------------|-----------------------|----------------|----------------|-----------|---------|
| 1   | BKCB3511 | Hoàng Thế         | Anh   | 13/08/2003 | Nghệ An               | 8,0            | 6,0            | Đạt       |         |
| 2   | BKCB3512 | Hoàng Thị Thiên   | Anh   | 10/01/2003 | Đắk Nông              | 7,67           | 7,17           | Đạt       |         |
| 3   | BKCB3513 | Lê Thị Kim        | Anh   | 11/07/2000 | Thành phố Hồ Chí Minh | 5,33           | 5,0            | Đạt       |         |
| 4   | BKCB3514 | Phạm Hoàng        | Anh   | 02/05/1991 | Thành phố Hồ Chí Minh | 8,67           | 8,17           | Đạt       |         |
| 5   | BKCB3515 | Trần Thị Hoàng    | Anh   | 09/12/2003 | Đắk Lắk               | 9,0            | 5,67           | Đạt       |         |
| 6   | BKCB3516 | Lê Văn            | Ba    | 27/09/1997 | Thanh Hóa             | 10,0           | 7,0            | Đạt       |         |
| 7   | BKCB3517 | Dương Gia         | Bảo   | 23/08/2006 | Thành phố Hồ Chí Minh | 6,67           | 4,0            | Không đạt |         |
| 8   | BKCB3518 | Huỳnh Thái        | Bảo   | 05/08/2003 | Bình Thuận            | 8,67           | 5,17           | Đạt       |         |
| 9   | BKCB3519 | Nông Thị          | Bé    | 07/06/1996 | Đắk Lắk               | 9,33           | 7,5            | Đạt       |         |
| 10  | BKCB3520 | Lại Quốc          | Cường | 29/10/2003 | Thành phố Hồ Chí Minh | 7,0            | 7,0            | Đạt       |         |
| 11  | BKCB3521 | Trần Đình Minh    | Đức   | 04/01/2005 | Thành phố Hồ Chí Minh | 9,67           | 8,17           | Đạt       |         |
| 12  | BKCB3522 | Phạm Lê Trí       | Dũng  | 23/07/2005 | Thành phố Hồ Chí Minh | 9,67           | 7,33           | Đạt       |         |
| 13  | BKCB3523 | Đoàn Văn          | Dương | 07/05/2005 | Thái Bình             | 7,67           | 5,83           | Đạt       |         |
| 14  | BKCB3524 | Lê Tùng           | Dương | 11/07/1999 | Quảng Ngãi            | 8,33           | 9,67           | Đạt       |         |
| 15  | BKCB3525 | Nguyễn Thuỳ       | Dương | 10/03/2001 | Quảng Bình            | 8,67           | 6,0            | Đạt       |         |
| 16  | BKCB3526 | Lê Nguyễn Trúc    | Hân   | 01/01/2001 | Khánh Hoà             | 9,67           | 8,67           | Đạt       |         |
| 17  | BKCB3527 | Phạm Thanh        | Hằng  | 15/10/1992 | Bến Tre               | 7,33           | 5,5            | Đạt       |         |
| 18  | BKCB3528 | Trương Ngọc       | Hạnh  | 06/01/2003 | Đắk Nông              | 9,33           | 5,5            | Đạt       |         |
| 19  | BKCB3529 | Ung Thanh         | Hào   | 14/02/2005 | Bình Định             | 7,33           | 6,17           | Đạt       |         |
| 20  | BKCB3530 | Nguyễn Trung      | Hậu   | 22/07/2003 | Thành phố Hồ Chí Minh | 9,0            | 7,0            | Đạt       |         |
| 21  | BKCB3531 | Nguyễn Khánh      | Hiền  | 22/04/2001 | Cà Mau                | 8,67           | 9,67           | Đạt       |         |
| 22  | BKCB3532 | Huỳnh Lương Khanh | Hiếu  | 04/05/2008 | Thành phố Hồ Chí Minh | 4,33           | 2,0            | Không đạt |         |
| 23  | BKCB3533 | Nguyễn Xuân       | Hoà   | 17/04/2002 | Thành phố Hồ Chí Minh | 7,67           | 5,17           | Đạt       |         |
| 24  | BKCB3534 | Nguyễn Minh       | Hoàng | 30/08/2003 | Thành phố Hồ Chí Minh | 6,33           | 5,67           | Đạt       |         |
| 25  | BKCB3535 | Hồ Văn            | Hưng  | 03/05/2003 | Bà Rịa - Vũng Tàu     | 9,67           | 5,17           | Đạt       |         |
| 26  | BKCB3536 | Dương Bá          | Huy   | 02/09/2001 | Cần Thơ               | 7,33           | 7,5            | Đạt       |         |
| 27  | BKCB3537 | Võ Gia            | Huy   | 12/11/2005 | Thành phố Hồ Chí Minh | 9,33           | 9,0            | Đạt       |         |
| 28  | BKCB3538 | Trần Đình Nam     | Kha   | 22/11/2005 | Bến Tre               | 7,33           | 6,5            | Đạt       |         |
| 29  | BKCB3539 | Đào Kim           | Khánh | 26/01/1995 | Thành phố Hồ Chí Minh | 8,33           | 9,33           | Đạt       |         |
| 30  | BKCB3540 | Phạm Trung        | Kiên  | 14/02/2006 | Đắk Lắk               | 7,67           | 7,5            | Đạt       |         |
| 31  | BKCB3541 | Nguyễn Thiên      | Kim   | 02/10/2003 | Thành phố Hồ Chí Minh | 9,0            | 5,83           | Đạt       |         |
| 32  | BKCB3542 | Phạm Thị Mỹ       | Lan   | 27/03/1997 | An Giang              | 7,0            | 6,0            | Đạt       |         |
| 33  | BKCB3543 | Đặng Văn          | Lộc   | 26/05/2002 | Thành Phố Hồ Chí Minh | 7,67           | 6,67           | Đạt       |         |
| 34  | BKCB3544 | Lê Ngọc Cẩm       | Ly    | 24/03/2004 | Thành phố Hồ Chí Minh | 9,33           | 9,83           | Đạt       |         |
| 35  | BKCB3545 | Lê Thị            | Mai   | 24/05/2002 | Thanh Hóa             | 9,0            | 8,0            | Đạt       |         |
| 36  | BKCB3546 | Huỳnh Đức         | Minh  | 09/03/2003 | Thành phố Hồ Chí Minh | 5,67           | 9,33           | Đạt       |         |

| STT | SBD      | Họ và Tên        |        | Ngày Sinh  | Nơi Sinh              | Điểm lý thuyết | Điểm Thực hành | Kết quả   | Ghi chú |
|-----|----------|------------------|--------|------------|-----------------------|----------------|----------------|-----------|---------|
| 37  | BKCB3547 | Lê Hoàng Trà     | My     | 22/07/2004 | Khánh Hoà             | 9,67           | 8,17           | Đạt       |         |
| 38  | BKCB3548 | Nguyễn Thị Bảo   | My     | 25/12/2004 | Hà Tĩnh               | 8,0            | 9,33           | Đạt       |         |
| 39  | BKCB3549 | Thái Lâm Thảo    | My     | 14/01/2003 | Quảng Ngãi            | 8,0            | 6,67           | Đạt       |         |
| 40  | BKCB3550 | Nguyễn Hoàng     | Nam    | 20/10/1997 | Bình Dương            | 7,33           | 7,33           | Đạt       |         |
| 41  | BKCB3551 | Giang Tuyết      | Ngân   | 06/04/2000 | Hậu Giang             |                |                |           | Vắng    |
| 42  | BKCB3552 | Nguyễn Thị Mỹ    | Ngân   | 26/05/2005 | An Giang              | 8,0            | 6,0            | Đạt       |         |
| 43  | BKCB3553 | Nguyễn Thị Thuỷ  | Ngân   | 23/09/1986 | Bến Tre               | 8,0            | 8,67           | Đạt       |         |
| 44  | BKCB3554 | Lê Lý Vàng       | Ngọc   | 26/10/2003 | Thành phố Hồ Chí Minh | 6,67           | 6,83           | Đạt       |         |
| 45  | BKCB3555 | Trương Hồng      | Ngọc   | 10/11/2003 | Thành phố Hồ Chí Minh | 8,67           | 7,83           | Đạt       |         |
| 46  | BKCB3556 | Lê Huỳnh Tôn     | Nguyễn | 10/01/2003 | Bình Dương            | 8,0            | 7,33           | Đạt       |         |
| 47  | BKCB3557 | Đặng Thành       | Nhân   | 02/09/1999 | Thừa Thiên Huế        | 9,0            | 10,0           | Đạt       |         |
| 48  | BKCB3558 | Lê Phương        | Nhi    | 12/05/2004 | Thành phố Hồ Chí Minh | 9,33           | 9,5            | Đạt       |         |
| 49  | BKCB3559 | Ngô Xuân Hạnh    | Nhi    | 10/02/2005 | Thành phố Hồ Chí Minh | 9,67           | 9,67           | Đạt       |         |
| 50  | BKCB3560 | Phan Thị Xuân    | Nhị    | 05/02/2003 | An Giang              | 8,67           | 6,33           | Đạt       |         |
| 51  | BKCB3561 | Bùi Thị Quỳnh    | Như    | 02/08/2005 | Long An               | 9,0            | 8,0            | Đạt       |         |
| 52  | BKCB3562 | Phan Nhật Đăng   | Như    | 21/10/2005 | Bình Định             | 8,0            | 8,5            | Đạt       |         |
| 53  | BKCB3563 | Đặng Nhật Nguyệt | Như    | 26/09/2001 | Thừa Thiên Huế        | 10,0           | 10,0           | Đạt       |         |
| 54  | BKCB3564 | Đặng Cao Kiều    | Oanh   | 13/10/2003 | Bình Định             | 7,0            | 7,17           | Đạt       |         |
| 55  | BKCB3565 | Nguyễn Thành     | Phát   | 19/07/2003 | Thành phố Hồ Chí Minh | 5,0            | 5,83           | Đạt       |         |
| 56  | BKCB3566 | Trần Đức         | Phát   | 27/12/2002 | Thành phố Hồ Chí Minh | 6,33           | 5,33           | Đạt       |         |
| 57  | BKCB3567 | Bùi Thị Thanh    | Phương | 19/10/2003 | Quảng Ngãi            | 8,0            | 6,17           | Đạt       |         |
| 58  | BKCB3568 | Huỳnh Thanh      | Phương | 25/08/1999 | Thành phố Hồ Chí Minh | 9,0            | 8,5            | Đạt       |         |
| 59  | BKCB3569 | Nguyễn Minh      | Quang  | 27/09/2003 | Tiền Giang            | 7,0            | 4,67           | Không đạt |         |
| 60  | BKCB3570 | Châu Thị Bảo     | Quyên  | 06/07/2003 | Quảng Nam             | 7,0            | 4,33           | Không đạt |         |
| 61  | BKCB3571 | Lê Bá Trương     | Quyền  | 11/06/2003 | Tây Ninh              | 5,67           | 6,17           | Đạt       |         |
| 62  | BKCB3572 | Phạm Đăng        | Tâm    | 10/09/2005 | Ninh Thuận            | 10,0           | 6,67           | Đạt       |         |
| 63  | BKCB3573 | Trần Thị Ngọc    | Tâm    | 04/11/2001 | Đồng Nai              | 7,0            | 6,0            | Đạt       |         |
| 64  | BKCB3574 | Đặng Duy         | Thắng  | 05/01/2003 | Quảng Ngãi            | 5,33           | 5,67           | Đạt       |         |
| 65  | BKCB3575 | Lê Dương Huyền   | Thanh  | 05/10/1999 | Thành phố Hồ Chí Minh | 9,67           | 9,5            | Đạt       |         |
| 66  | BKCB3576 | Nguyễn Tiến      | Thành  | 25/08/2003 | Bến Tre               | 6,67           | 4,5            | Không đạt |         |
| 67  | BKCB3577 | Nguyễn Thị       | Thảo   | 30/01/1975 | Đồng Tháp             | 7,67           | 5,67           | Đạt       |         |
| 68  | BKCB3578 | Phùng Thanh      | Thảo   | 05/05/1999 | Kiên Giang            | 9,67           | 8,0            | Đạt       |         |
| 69  | BKCB3579 | Nguyễn Thanh     | Thiên  | 10/01/2003 | Quảng Ngãi            | 6,33           | 7,0            | Đạt       |         |
| 70  | BKCB3580 | Phan Ngọc        | Thiên  | 07/02/1995 | Thành phố Hồ Chí Minh | 8,33           | 6,67           | Đạt       |         |
| 71  | BKCB3581 | Phạm Đình        | Thịnh  | 07/04/1997 | Tiền Giang            | 8,67           | 7,83           | Đạt       |         |
| 72  | BKCB3582 | Phạm Xuân        | Thơ    | 08/11/2003 | Thành phố Hồ Chí Minh | 8,33           | 7,67           | Đạt       |         |
| 73  | BKCB3583 | Lê Tất           | Thuận  | 17/10/2004 | Kiên Giang            | 9,67           | 9,0            | Đạt       |         |
| 74  | BKCB3584 | Nguyễn Thị Mỹ    | Tiên   | 07/04/2003 | Đồng Tháp             | 8,33           | 6,83           | Đạt       |         |
| 75  | BKCB3585 | Võ Thị Cẩm       | Tiên   | 01/01/2000 | Bến Tre               | 8,33           | 6,33           | Đạt       |         |
| 76  | BKCB3586 | Nguyễn Thành     | Tiến   | 02/01/2001 | Vĩnh Long             | 8,33           | 9,33           | Đạt       |         |
| 77  | BKCB3587 | Trương Huỳnh Bảo | Trân   | 28/12/1999 | Long An               | 9,67           | 9,67           | Đạt       |         |

| STT | SBD      | Họ và Tên         |        | Ngày Sinh  | Nơi Sinh              | Điểm lý thuyết | Điểm Thực hành | Kết quả | Ghi chú |
|-----|----------|-------------------|--------|------------|-----------------------|----------------|----------------|---------|---------|
| 78  | BKCB3588 | Mạc Kiều          | Trang  | 11/03/2003 | Đắk Lắk               | 9,67           | 7,33           | Đạt     |         |
| 79  | BKCB3589 | Huỳnh Thị Cẩm     | Trinh  | 04/08/1997 | An Giang              | 9,0            | 5,33           | Đạt     |         |
| 80  | BKCB3590 | Nguyễn Mai Thanh  | Trúc   | 09/09/1999 | An Giang              | 8,67           | 6,83           | Đạt     |         |
| 81  | BKCB3591 | Đỗ Phạm Phi       | Trường | 23/02/2000 | Bình Định             | 10,0           | 8,33           | Đạt     |         |
| 82  | BKCB3592 | Trần Anh          | Tú     | 23/08/2002 | Thành phố Hồ Chí Minh | 9,67           | 8,67           | Đạt     |         |
| 83  | BKCB3593 | Nguyễn Ngọc       | Tứ     | 17/05/2003 | Bình Định             | 9,33           | 9,67           | Đạt     |         |
| 84  | BKCB3594 | Đoàn Anh          | Tuấn   | 03/07/2003 | Thành phố Hồ Chí Minh | 8,67           | 7,67           | Đạt     |         |
| 85  | BKCB3595 | Lâm Bảo           | Tường  | 01/06/1997 | Sóc Trăng             | 9,67           | 7,0            | Đạt     |         |
| 86  | BKCB3596 | Nguyễn Thị Ánh    | Tuyết  | 03/07/2003 | Đắk Lắk               | 9,0            | 6,67           | Đạt     |         |
| 87  | BKCB3597 | Vũ Văn            | Vân    | 06/04/1990 | Thanh Hóa             | 9,67           | 7,67           | Đạt     |         |
| 88  | BKCB3598 | Trần Lê Trọng     | Văn    | 23/06/2003 | Bến Tre               | 10,0           | 10,0           | Đạt     |         |
| 89  | BKCB3599 | Nguyễn Trần Hoàng | Vạn    | 15/03/1999 | Tiền Giang            |                |                |         | Vắng    |
| 90  | BKCB3600 | Trương Bá         | Vương  | 01/12/1988 | Thành phố Hồ Chí Minh | 7,67           | 7,83           | Đạt     |         |
| 91  | BKCB3601 | Lê Huyền          | Vy     | 28/08/2003 | Thanh Hoá             | 6,67           | 8,83           | Đạt     |         |
| 92  | BKCB3602 | Lục Tiểu          | Vy     | 29/07/2003 | Thành phố Hồ Chí Minh | 6,67           | 7,83           | Đạt     |         |
| 93  | BKCB3603 | Nguyễn Hồng Hạ    | Vy     | 26/09/2005 | Đồng Nai              | 10,0           | 9,67           | Đạt     |         |
| 94  | BKCB3604 | Trần Nguyệt Thanh | Vy     | 29/10/2003 | Bình Dương            | 7,0            | 6,0            | Đạt     |         |
| 95  | BKCB3605 | Lê Nguyễn Mai     | Xuân   | 04/11/2005 | Thành phố Hồ Chí Minh | 8,0            | 6,67           | Đạt     |         |
| 96  | BKCB3606 | Huỳnh Thị Như     | Ý      | 10/10/2001 | Tây Ninh              | 7,67           | 7,67           | Đạt     |         |
| 97  | BKCB3607 | Lê Thị Như        | Ý      | 16/01/2003 | Bà Rịa - Vũng Tàu     | 9,67           | 6,33           | Đạt     |         |
|     |          |                   |        |            |                       |                |                |         |         |

Kết quả Đạt: Điểm lý thuyết (Trắc nghiệm)>=5 và Điểm thực hành >=5

Số lượng thí sinh: 97  
Số lượng hiện diện: 95

Số thí sinh đạt: 90

Thư ký Hội đồng  
Ngô Quang Nhựt

Chủ tịch Hội đồng  
Thoại Nam